

Số: 18/2019/QĐST-DS

Định Hoá, ngày 17 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Phố QV 4, xã TH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Bà Ma Thị T, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Xóm TK, xã BY, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và trách nhiệm trả nợ:

Bà Lê Thị H và bà Ma Thị T thống nhất xác định tổng cộng 04 (bốn) giấy vay tiền, gồm giấy vay tiền đề ngày 18/02/2018; ngày 19/02/2018; ngày 20/02/2018 và ngày 23/02/2018, bà Ma Thị T vay bà Lê Thị H với tổng số tiền nợ gốc là 301.200.000đ (Ba trăm linh một triệu hai trăm nghìn đồng), tính đến ngày 28/7/2018 bà Ma Thị Tiếp đã trả cho bà Lê Thị H là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) nợ gốc, số tiền còn nợ là 284.200.000^d (Hai trăm tám mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà Ma Thị T có trách nhiệm trả nợ bà Lê Thị H toàn bộ số tiền nợ gốc là

200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng). Số tiền nợ còn lại là 84.200.000^d (Tám mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng), bà Lê Thị H tự nguyện không yêu cầu.

Bà Lê Thị H tự nguyện không yêu cầu bà Ma Thị T trả lãi đối với số tiền nợ gốc nêu trên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị H tự nguyện chịu 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.105.000^d (Bảy triệu một trăm linh năm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008700 ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà Lê Thị H được hoàn trả số tiền chênh lệch là 4.605.000^d (Bốn triệu sáu trăm linh năm nghìn đồng).

- Bà Ma Thị T tự nguyện chịu 2.500.000^d (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên (PKTNV);
- VKSND huyện Định Hoá (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự (2 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thiện Hoàng